

BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP - NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN TRAO ĐỔI

Ths. Phạm Thị Quyên

Báo cáo tài chính doanh nghiệp dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế. Báo cáo tài chính (BCTC) được lập theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên các thông tin được cung cấp từ BCTC đôi khi chưa thực sự hữu ích đối với người sử dụng thông tin. Trong phạm vi bài viết chúng tôi mong muốn trao đổi về một số hạn chế của các thông tin từ BCTC hiện hành từ đó đề xuất ý kiến nhằm hoàn thiện BCTC doanh nghiệp.

Bảng cân đối kế toán (BCĐKT)

Đối với chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” (Mã số 130), chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” (Mã số 150) và chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn” (Mã số 310)

Chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” (Mã số 130) phản ánh các khoản phải thu chủ yếu là từ các đối tượng nhà cung cấp, khách hàng, đơn vị nội bộ. Còn các khoản còn phải thu từ Nhà nước, người lao động chủ yếu phản ánh ở chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” (Mã số 150).

Chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn” (Mã số 310) phản ánh các khoản vay ngắn hạn và các khoản phải trả ngắn hạn cho các đối tượng là nhà cung cấp, khách hàng, đơn vị nội bộ, nhà nước và người lao động.

Xuất phát từ nội dung phản ánh của các chỉ tiêu trên, ta thấy phần vốn của doanh nghiệp còn phải thu ngắn hạn từ các đối tượng được phản ánh

ở hai chỉ tiêu là “Các khoản phải thu ngắn hạn” và “Tài sản ngắn hạn khác”, còn các khoản phải trả ngắn hạn cho các đối tượng được phản ánh ở chỉ tiêu “Nợ ngắn hạn”. Tình hình đó làm cho người sử dụng thông tin dễ dàng bỏ qua một số khoản nợ phải thu ngắn hạn của doanh nghiệp, do đó khi đánh giá về các khoản phải thu và các khoản phải trả không đảm bảo tính “thống nhất”. Do vậy, chúng tôi đề xuất kiến nghị như sau: gộp chỉ tiêu “Các khoản phải thu ngắn hạn” (Mã số 130) và chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” (Mã số 150) vào một chỉ tiêu là “Các khoản phải thu ngắn hạn” (Mã số 130), bao gồm các chỉ tiêu cụ thể sau:

III. Các khoản phải thu ngắn hạn (Mã số 130)

Phải thu khách hàng (Mã số 131)

Trả trước cho người bán (Mã số 132)

Phải thu nội bộ ngắn hạn (Mã số 133)

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (Mã số 134)

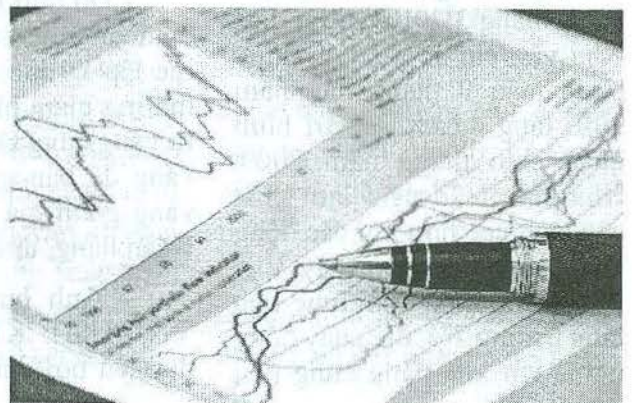
Chi phí trả trước ngắn hạn (Mã số 135)

Thuế GTGT được khấu trừ (Mã số 136)

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (Mã số 137)

Các khoản phải thu khác (Mã số 138)

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) (Mã số 139)



Cơ sở để lập chỉ tiêu “Các khoản phải thu khác” (Mã số 138) là tổng dư nợ của các tài khoản: Tài khoản 138 “Phải thu khác”, Tài khoản 141 “Tạm ứng”, Tài khoản 144 “Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn”, Tài khoản 334 “Phải trả người lao động”, Tài khoản 338 “Phải trả, phải nộp khác” trên sổ kế toán chi tiết các tài khoản nêu trên hoặc Sổ Cái hoặc Nhật ký – Sổ Cái. Cơ sở lập các chỉ tiêu còn lại không thay đổi.

Đối với chỉ tiêu “Hàng tồn kho” (Mã số 140)

Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” phản ánh giá trị thuần các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm hàng tồn kho dự trữ cho hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và hàng hóa bất động sản đầu tư dự trữ cho hoạt động kinh doanh bất động sản. Đặc điểm của hàng hóa bất động sản đầu tư khác với hàng tồn kho dự trữ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường. Hàng tồn kho cho hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường có tính thường xuyên còn hàng hóa bất động sản đầu tư có thể không thường xuyên. Do vậy, tính so sánh của số liệu giữa các kỳ đôi khi không đảm bảo để làm cho người sử dụng thông tin đánh giá không chính xác về tài chính của doanh nghiệp. Xuất phát từ hạn chế nêu trên, chúng tôi đề xuất kiến nghị: chỉ tiêu “Hàng tồn kho” (Mã số 140) tách thành hai chỉ tiêu

là “Hàng tồn kho” (mã số 140) và “Hàng hóa bất động sản” (Mã số 150). Cụ thể:

IV. Hàng tồn kho (Mã số 140)

Giá trị hàng tồn kho (Mã số 141)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) (Mã số 149)

V. Hàng hóa bất động sản (Mã số 150)

1. Giá trị hàng hóa bất động sản (Mã số 151)

2. Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản (*) (Mã số 159)

Các chỉ tiêu có thay đổi được lập như sau:

- Chỉ tiêu “Hàng tồn kho” (Mã số 140) phản ánh giá trị hiện có của các loại hàng tồn kho dự trữ cho quá trình sản xuất kinh doanh sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của doanh nghiệp sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo. Mã số 140 = Mã số 141 – Mã số 149

- Chỉ tiêu “Giá trị hàng tồn kho” (Mã số 141) phản ánh giá trị thực tế của các loại hàng tồn kho tại thời điểm báo cáo. Cách lập chỉ tiêu này về cơ bản là không thay đổi so với cách lập theo quy định hiện hành chỉ cần loại trừ số dư nợ của Tài khoản 1567 “Hàng hóa bất động sản”.

- Chỉ tiêu “Hàng hóa bất động sản” (Mã số 150) phản ánh giá trị hiện có của hàng

hóa bất động sản sau khi trừ đi dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản tại thời điểm báo cáo. Mã số 150 = Mã số 151 – Mã số 159

- Chỉ tiêu “Giá trị hàng hóa bất động sản” (Mã số 151) phản ánh giá trị thực tế của hàng hóa bất động sản tại thời điểm báo cáo. Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này là dự nợ của Tài khoản 1567 “Hàng hóa bất động sản” trên cơ sở sổ kế toán chi tiết Tài khoản 1567.

- Chỉ tiêu “Dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản” (Hiện chưa có quy định về lập dự phòng giảm giá hàng hóa bất động sản nhưng thực tế giá của hàng hóa bất động sản có sự thay đổi do vậy cơ quan chức năng nên nghiên cứu vấn đề này).

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Báo cáo KQHĐKD)

Xuất phát từ yêu cầu cung cấp thông tin một cách tổng hợp và chi tiết và để đảm bảo tính thống nhất với nội dung trình bày ở Bảng cân đối kế toán thì Báo cáo KQHĐKD cần trình bày các chỉ tiêu tổng hợp về tổng doanh thu, tổng chi phí, tổng lợi nhuận trên cơ sở các chỉ tiêu doanh thu, chi phí và lợi nhuận của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Do vậy, chúng tôi đưa ra kiến nghị về trình bày Báo cáo KQHĐKD như sau:

Các chỉ tiêu có thay đổi được lập như sau:

- Chi tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" (Mã số 01) phản ánh tổng doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chi tiêu này là lũy kế số phát sinh có của các tài khoản: Tài khoản 5111, Tài khoản 5112, Tài khoản 5113, Tài khoản 5114 và Tài khoản 512 trên sổ kế toán chi tiết của các tài khoản nêu trên.

- Chi tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ" (Mã số 04)

Liên quan đến cơ sở số liệu để lập chi tiêu này thì Tài khoản 632 "giá vốn hàng bán" cần chi tiết thành hai tài khoản cấp 2 là Tài khoản 6321 "Giá vốn hàng bán và dịch vụ" và Tài khoản 6322 "Giá vốn hàng hóa bất động sản đầu tư". Số liệu để ghi vào chi tiêu "Giá vốn hàng bán và dịch vụ" (Mã số 04) là lũy kế số phát sinh bên có của Tài khoản 6321 "Giá vốn hàng bán và dịch vụ" trong kỳ báo cáo đối ứng với bên nợ của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trên sổ kế toán chi tiết Tài khoản 6321.

- Chi tiêu "Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ" (Mã số 07) phản ánh chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ với chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ báo cáo.

$\text{Mã số 07} = \text{Mã số 03} - \text{Mã số 04} - \text{Mã số 05} - \text{Mã số 06}$

- Chi tiêu "Lợi nhuận tài

chính" (Mã số 17) phản ánh chênh lệch giữa doanh thu tài chính với chi phí tài chính phát sinh trong kỳ báo cáo.

$\text{Mã số 17} = \text{Mã số 11} - \text{Mã số 12}$

- Chi tiêu "Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư" (Mã số 21) phản ánh tổng doanh thu thuần bán, thanh lý và cho thuê bất động sản đầu tư trong năm báo cáo của doanh nghiệp. Số liệu để ghi vào chi tiêu này là lũy kế số phát sinh bên có của Tài khoản 5117 "Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư" trong năm báo cáo trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 5117.

- Chi tiêu "Giá vốn hàng hóa bất động sản đầu tư" (Mã số 22) phản ánh tổng giá vốn của hàng hóa bất động sản đầu tư đã bán, thanh lý và cho thuê trong kỳ báo cáo. Số liệu để ghi vào chi tiêu này là lũy kế số phát sinh có của tài khoản 6322 "Giá vốn hàng hóa bất động sản đầu tư" trong kỳ báo cáo đối ứng với bên nợ của Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" trên sổ kế toán chi tiết tài khoản 6322.

- Chi tiêu "Lợi nhuận kinh doanh bất động sản đầu tư" (Mã số 27) phản ánh chênh lệch giữa doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư với giá vốn hàng hóa bất động sản đầu tư. $\text{Mã số 27} = \text{Mã số 21} - \text{Mã số 22}$

- Chi tiêu "Tổng doanh thu và thu nhập hoạt động kinh doanh" (Mã số 40). $\text{Mã số 40} =$

$\text{Mã số 03} + \text{Mã số 11} + \text{Mã số 21} + \text{Mã số 31}$

- Chi tiêu "Tổng chi phí hoạt động kinh doanh" (Mã số 41).

$\text{Mã số 41} = \text{Mã số 04} + \text{Mã số 05} + \text{Mã số 06} + \text{Mã số 12} + \text{Mã số 22} + \text{Mã số 32}$

- Chi tiêu "Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế" (Mã số 50)

$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 40} - \text{Mã số 41}$, hoặc:

$\text{Mã số 50} = \text{Mã số 07} + \text{Mã số 17} + \text{Mã số 27} + \text{Mã số 37}$

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Từ các kiến nghị đối với BCĐKT và Báo cáo KQHĐKD thì Bản thuyết minh báo cáo tài chính cần có sự bổ sung và thay đổi một số chi tiêu ở phần "V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong BCĐKT" và phần "VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo KQHĐKD".

Trên cơ sở Báo cáo tài chính được hoàn thiện sẽ cung cấp thông tin vừa tổng hợp, vừa chi tiết và đảm bảo thống nhất giúp các đối tượng sử dụng thông tin dễ dàng thu thập các thông tin về tài chính của doanh nghiệp theo từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp./